CÔNG TY CỔ PHẦN E.C.C ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số : 06-26/CB-E.C.C	*Hải Phòng, ngày 21 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG (SỬA ĐỔI, THAY THẾ TIÊU CHUẨN CŨ HẾT HẠN BẰNG TIÊU CHUẨN MỚI VÀ HOÀN THIỆN DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM)

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 2825/SXD-CCGĐXD ngày 20/03/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng về việc triển khai, công bố thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN E.C.C công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN E.C.C

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 020099488 đăng ký lần đầu ngày 09/10/2009, đăng ký sửa đổi lần thứ 4 ngày 04/11/2022, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng

.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 566 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ cũ: Số 566 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Người đại diện pháp luật: VŨ VĂN LỢI Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 094 8886565 Email: *vuvanloi36@gmail.com*

Mã số thuế: 020099488

Website: *https://eccjsc.com*

1.2. Thông tin Phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM CÔNG TRÌNH

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 730 do Bộ Xây Dựng cấp tại Giấy chứng nhận số 177/GCN-BXD ngày 08/09/2021; Giấy chứng nhận số 236/GCN-BXD ngày 12/08/2022; và Giấy chứng nhận số 13/GCN-SXD ngày 11/11/2025 do Sở xây

dựng Thành phố Hải Phòng cấp; Chứng chỉ công nhận Phòng thử nghiệm chuyên ngành xây dựng VALAS 196 do của Viện công nhận chất lượng Việt Nam ngày 23/12/2025).

Địa chỉ: Số 566 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ cũ: Số 566 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Trưởng phòng: VŨ THỊ THANH THỦY

Điện thoại: 094 5503355 Email: *vuvanloi36@gmail.com*

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1.Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; máy móc, thiết bị

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Cán bộ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thử nghiệm cơ lý hóa xi măng				
1.	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030:2003; ASTM C204; ASTM C115; ASTM C188; ASTM C184; AASHTO T133	Sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; (ISO 679:2009) ASTM C109; ASTM C1074; AASHTO T106; EN 196-1:05; JIS R5201:97	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dằn tạo mẫu, máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s), gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
3.	XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 8876:2012 ASTM C187;C191; AASHTO T129,T131	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng luộc mẫu, khuôn Lơ Satolie	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
4.	Độ nở sunfat; Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6068:2020; TCVN 6070:2005	Khuôn, chày, máy trộn, bộ sàng, cân, ống đong Nhiệt lượng kế, hộp téc mốt, nhiệt kế Becman, phễu, động cơ khuấy	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
5.	Độ giãn nở Autoclave	TCVN 8877:2011; ASTM C151	Khuôn, máy trộn, thiết bị Autoclave	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh

				Ngọc
6.	Thí nghiệm hàm lượng SO_3, hàm lượng mất khi nung, hàm lượng MgO, hàm lượng cặn không tan Fe_2O_3, Al_2O_3, BaO, C_3A, $C_4AF + 2C_3A$	TCVN 141:2023; ASTM C114	Cân, tủ sấy, lò nung, thiết bị quang phổ, máy so màu, máy đo PH, máy cất nước, bình khí nén, tủ hút…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
Thử nghiệm cơ lý hóa phụ gia bê tông và vữa				
7.	Khối lượng riêng	TCVN 8826:2024	Ống hình trụ 500 mL có chia vạch; Tỉ trọng kế; Thùng giữ nhiệt	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
8.	Lượng nước trộn	TCVN 8826:2024	Sàng kim loại, bay trộn; Cân kĩ thuật có độ chính xác tới 50g	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
9.	Thời gian đông kết	TCVN 8826:2024	Sàng kim loại, bình đựng, đồng hồ bấm giây, dụng cụ ấn xuyên, nhiệt kế	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
10.	Cường độ nén, uốn	TCVN 8826:2024	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dằn tạo mẫu, máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s), gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
11.	Độ co ngót cứng	TCVN 8826:2024	ĐH co ngót, tủ khí hậu	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
12.	Hàm lượng bọt khí	TCVN 8826:2024	Vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679)	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
13.	Hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2024	Lọ thủy tinh miệng rộng có nắp; Bình hút ẩm; Pipet 5 mL; Tủ sấy có khống chế nhiệt độ; Cân phân tích, độ chính xác đến ± 0,001 g.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
14.	Hàm lượng tro	TCVN 8826:2024	Bình hút ẩm; Bếp cách thủy; Lò nung Muphơ; Cân phân tích có độ chính xác đến ± 0,001 g	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
15.	Hàm lượng ion clo	TCVN 8826:2024	Thuốc thử (NH4NO3), (HNO3), (NaCl),	- Đặng Văn Phương

			(AgNO3); Máy đo điện thế hoặc máy đo pH; Điện cực bạc; Bình chứa muối bắc cầu; Điện cực đối chứng calomen; Cân có độ chính xác 0,01 g; Giấy chỉ thị.	- Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
Thử nghiệm cơ lý hóa xỉ lò cao				
16.	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; ASTM C115; ASTM C188; ASTM C184; AASHTO T133; EN 196-6:2018	Sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
17.	Bề mặt riêng	TCVN 13605:2023; EN 196-6:2018	Sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
18.	Chỉ số hoạt tính cường độ và tỷ lệ độ lưu động	TCVN 11586:2016	Tủ dưỡng hộ, bể ngâm, sàng, cân kỹ thuật, thước kẹp, bàn dằn, khâu hình côn	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
19.	Độ ẩm	TCVN 8265:2009	Cân phân tích, tủ sấy, Lò nung	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
20.	Hàm lượng mất khi nung	TCVN 8265:2009	Cân phân tích, tủ sấy, Lò nung	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
21.	Hàm lượng magiê oxit MgO; anhydric sunfuric (SO3); Hàm lượng silic dioxit (SiO2); Hàm lượng sắt (III) oxit (Fe2O3); Hàm lượng nhôm oxit (Al2O3); Hàm lượng canxi oxit (CaO); Hàm lượng sunfua (S^{2-}); Hàm lượng kali oxit (K_2O) và natri oxit (Na_2O) tổng	TCVN 8265:2009	Cân phân tích, tủ sấy, Lò nung, Máy đo màu quang điện, hóa chất, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
22.	Hàm lượng ion Cl^-	TCVN 141:2023	Cân phân tích, tủ sấy, Lò nung, hóa chất, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
Thử nghiệm cơ lý hóa tro bay				

23.	Tổng hàm lượng các ôxit $SiO_2 + Al_2O_3 + Fe_2O_3$	TCVN 8262 : 2009	Cân phân tích, tủ sấy, Lò nung, Máy đo màu quang điện, hóa chất, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
24.	Hàm lượng SO_3	TCVN 141:2023	Cân phân tích, tủ sấy, Lò nung, hóa chất, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
25.	Hàm lượng CaO_{td}	TCVN 141:2023	Cân phân tích, tủ sấy, Lò nung, hóa chất, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
26.	Hàm lượng mất khi nung	TCVN 8262:2009	Cân phân tích, tủ sấy, Lò nung	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
27.	Hàm lượng kiềm có hại	TCVN 6882:2016	Cân kỹ thuật; tủ sấy; thùng inox hình trụ;- đũa thủy tinh	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
28.	Độ ẩm	TCVN 8262:2009	Cân phân tích, tủ sấy, Lò nung	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
29.	Độ mịn theo lượng sót trên sàng 45mm	TCVN 8827:2011	Sàng, cân kỹ thuật	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
30.	Lượng nước yêu cầu	TCVN 8825:2011	Sàng kim loại, bay trộn; Cân kĩ thuật có độ chính xác tới 50g	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
31.	Hàm lượng ion Clo (Cl^-)	TCVN 8826:2024	Cân phân tích, tủ sấy, Lò nung, hóa chất, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
32.	Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 6882:2016	Cân kỹ thuật; tủ sấy; thùng inox hình trụ;- đũa thủy tinh	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc

Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa				
33.	Thành phần cỡ hạt, môđun độ lớn	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; EN 933-1:12; JIS A 1102:06; AASHTO T127:11; AASHTO T27	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn, Máy lắc sàng, Tủ sấy (105 ± 5)°C	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
34.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127:12; AASHTO 84:10; ASTM C128:12; AASHTO T85:10; EN 1097-6:00; EN 1097-7:08; JIS 11109:06; JIS 1110:06; JIS 1111:06	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Cân thủy tĩnh chính xác 1%, và giỏ đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy (105±5)°C	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
35.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127:12; AASHTO T85:10; EN 1097-6970:00	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Cân thủy tĩnh chính xác 1%, và giỏ đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy (105±5)°C	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
36.	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29:09; AASHTO T19:99; EN 1097-3:98; EN 1097-3:08; JIS A1104:06	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Cân thủy tĩnh chính xác 1%, và giỏ đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy (105±5)°C	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
37.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; EN 1097-5:08; ASTM C566:97(04); JIS A1125:07; AASHTO T255:00(08)	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Tủ sấy, Dụng cụ đảo mẫu	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
38.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142; EN 933-1:12; JIS A1137:05; JIS A1103:03; AASHTO T11:05(09); AASHTO T112:00(08)	Cân phân tích chính xác 0,001g, Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Tủ sấy, Thùng rửa cốt liệu, Đồng hồ bấm giây, Tấm kính, Que hoặc kim sắt nhỏ	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
39.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM T21; ASTM C40:11; JIS A1105:07; JIS A1142:07	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, Cân phân tích chính xác 0,001g, Bếp cách thủy, Sàng có kích thước lỗ 20 mm, Thang màu để so sánh, Thuốc thử	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
40.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938:95(2); JIS M0302:00	Máy nén thủy lực, máy khoan và máy cưa đá, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
41.	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén thủy, Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Bộ sàng, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
42.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong	TCVN 7572-12:06; AASHTO T96; ASTM C131:06; ASTM	Máy Los Angeles, cân, bộ sàng, tủ sấy	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai

	máy (Los Angeles)	C535:09; AASHTO T327:09; EN 1092-2:10; JIS A1121:07		
43.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; EN 933-3:12; AASHTO T335; EN 933-4:08; EN 933-5:98	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Thước kẹp cải tiến, Bộ sàng, Tủ sấy	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
44.	Khả năng phản ứng kiềm – silic	TCVN 7572-14:2006; ASTM C1260; ASTM C1293; ASTM C856	Máy trộn, khuôn, thước đo, bể dưỡng hộ, dung dịch kiềm	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
45.	Hàm lượng ion clo (Cl-); Xác định hàm lượng sulfat và sulfit; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định silic oxit vô định hình	TCVN 7572-15:2006; TCVN 7572-16:2006; TCVN 7572-18:2006; TCVN 7572-19:2006; ASTM C142; AASHTO T122	Sàng, cân, tủ sấy, lò nung, bình định mức, hóa chất…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
46.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; AASHTO T122	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và nhôm, búa con	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
47.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích độ chính xác 0,001g , Giấy nhám khổ 330mmx210mm, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, đũa thủy tinh	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
48.	Độ ổn định thể tích của cốt liệu bằng Natri hoặc Magie sulfat	TCVN 7572-22:2018; AASHTO T104; ASTM C88	Sàng, nhiệt kế, cân, tủ sấy...	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
49.	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	TCVN 14134-5:2024; ASTM D 2419-91; AASHTO T176	Sàng, cân, tủ sấy…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
50.	Độ góc cạnh của cốt liệu mịn, thô	TCVN 8860-7:11; AASHTO T304; T326	Ống đong, phễu, tấm kính, khay, dao gạt, cân	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
51.	Thành phần thạch học cốt liệu; Xác định hàm lượng các khoáng vật có trong cốt liệu bằng phương pháp X-Ray	TCVN 7572-3:2006; ASTM C295	Kính hiển vi, máy mài …	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
52.	Xác định hàm lượng hạt mịn nhỏ hơn 75µm	TCVN 9205:2012, ASTM C117	Rây, cân kỹ thuật, tủ sấy	- Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan

53.	Xác định hàm lượng hạt nhẹ	ASTM C123; AASHTO T113	Sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, tỷ trọng kế	- Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm nước				
54.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88	Tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm, phễu lọc, giấy lọc…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
55.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 8727: 2012	Sàng, cân, tủ sấy, bình, phễu…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
56.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	Nhiệt kế, pH mét, nhiệt kế, bình mẫu, …	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
57.	Xác định hàm lượng ion clorua Cl^-	TCVN 6194:96	Bình thủy tinh, buret …	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
58.	Xác định hàm lượng ion Sunfat ($SO4^{2-}$)	TCVN 6200:96	Phễu lọc thủy tinh, bình thủy tinh, cân…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
59.	Xác định màu nước quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012	Ống lấy mẫu, bình thủy tinh…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
60.	XĐ váng dầu mỡ quan sát bằng mắt thường	TCVN 4506:2012	Ống lấy mẫu, bình thủy tinh…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
61.	Xác định tổng canxi và magie	TCVN 6224 : 1996; ISO 6059 : 1984 (E)	Buret, pipet, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh

				Ngọc
62.	Xác định amoni	TCVN 5988:1995	Bình chưng cất, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
63.	Thử chất hoạt động bề mặt metylen xanh	TCVN 6336 : 1998 ASTM D 2330 : 1988	Máy quang điện, phễu chiết	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
64.	Xác định độ đục	TCVN 6184 : 2008	Ống thử độ trong	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
65.	Xác định BiCacbonat (HCO3-) và Cacbonat (CO32-), Nitrit (NO2-), Nitrat (NO3-), hàm lượng amoniac và amoni (NH4+)	TCXD 81:81; EN 1008	Buret, pipet, thuốc thử, hóa chất	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
66.	Xác định chỉ số pemanganat; xác định lượng tạp chất hữu cơ (đo bằng chỉ số pemanganat)	TCVN 6186:2016	Nồi cách thủy, ống nghiệm, buret, bình đong	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng				
67.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119; ASTM C94; EN 12350-2:09; JIS A1101:05	Bộ côn thử độ sụt, đồng hồ đo thời gian, thước đo	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
68.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138; AASHTO T121; EN 12350-6:09; JIS A116:05	Cân kỹ thuật (50g), thước lá kim loại, cân thuỷ tĩnh có độ chính xác tới 50g, bếp điện, thùng nấu paraphin, tủ sấy 200^{0}C.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
69.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232; AASHTO T158; EN12350-4:09; EN480-4:96; JIS A1123:10	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm;Bàn rung tần số 2900 ÷ 3000 vòng phút, biên độ 0,5 ± 0,01mm;Thanh thép tròn đường kính	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai

			16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Cân kĩ thuật có độ chính xác tới 50g;Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy 2000C; Khay sắt.	
70.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C138; ASTM C642; EN 12390-7:09	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Bình dung tích 100 mL, Tủ sấy (105±5)°C, Máy nghiền, bếp cách thủy, Sàng 5,0 mm; 1,25 mm và 0,125 mm, Bình hút ẩm, hoá chất, thuốc thử, Nước cất	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
71.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642; EN 12390-7:09	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Thùng ngâm, Tủ sấy (105±5)°C, Bình hút ẩm	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
72.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; ASTM C642; EN 12390-7:09	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Thước đo (vạch chia 1mm), Tủ sấy (105±5)°C, Bình hút ẩm	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
73.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; AASHTO T22; ASTM C39; ASTM C42; AASHTO T140; EN 12390:09; EN 12504-1:09; JIS A1108:06; JIS A1107:12; AASHTO T23; AASHTO T141	Máy nén, Thước đo (vạch chia 1mm), Thước góc, đệm truyền tải ,Đồng hồ đo thời gian có khả năng đọc đến 1s	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
74.	XĐ giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293; ASTM C78; AASHTO T97; AASHTO T177; EN 12390-5:09; JIS A1106:06; JIS A114:11	Máy nén, Thước đo (vạch chia 1mm)	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
75.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022	Máy xác định độ chống thấm, bộ áo mẫu, paraphin, bàn chải sắt, tủ sấy	- Vũ Văn Thắng - Đặng Văn Phương
76.	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:2022; ASTM C138; AASHTO T152; ASTM C137; ASTM C231, EN 12350-7:09; JIS A1128:05	Bình thử bọt khí, bàn rung	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
77.	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022; AASHTO T197; ASTM	Máy nén bê tông	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị

		C496		Tuyết Mai
78.	Thử độ co	TCVN 3117:2022	ĐH co ngót, tủ khí hậu	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
79.	Thử độ Vebe	TCVN 3107:2022	Nhớt kế Vebe, bàn rung, đồng hồ bấm giây	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
80.	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	Máy mài	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
81.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012	Dụng cụ thử xuyên, khuôn, sàng, que chọc, nhiệt kế, pipet	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
82.	Xác định cường độ lăng trụ và modul đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	Máy nén, biến dạng kế, thước lá kim loại	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
83.	Xác định hàm lượng ion clo và thấm clo trong bê tông	TCVN 9337:2012	Máy khoan cắt BT, TB bơm hút chân không, TB đo điện lượng	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
84.	Bê tông nặng – xác định hàm lượng sunfat	TCVN 9336:2012	Búa, cối, chày, máy nghiền, sàng, cân…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
85.	Xác định nhiệt độ bê tông	TCVN 9340:2012, ASTM C1064/C1064M	Nhiệt kế	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
86.	Xác định độ pH của bê tông	TCVN 9339:2012	Máy đo độ pH, cân kỹ thuật, ống đong, bình định mức	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
Thử nghiệm vữa xây dựng				
87.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; EN 1051:99	Bộ sàng tiêu chuẩn, Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Tủ sấy	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
88.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437:07; EN 1015-3,4:99	Cân kỹ thuật chính xác 1g, Thước kẹp có độ chính xác tới 0,1mm, Bàn dấn, Khẩu hình côn.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
89.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022; EN 445:07; EN 1015-6:99	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam.Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong bằng 113 mm.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan

90.	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022; EN 1015-10:99	Cân kỹ thuật chính xác 0,1g, Tủ sấy, Thước kẹp, Cân thủy tĩnh	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
91.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; ASTM C109-11B; EN 445:07; EN 1015-11:99	Khuôn, Chày đầm mẫu, Tủ dưỡng hộ mẫu, Tấm kính, Máy thử uốn, Máy nén	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
92.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022; ASTM C1218:99; EN 1015-18,19:02	Vòng tròn hình nón cụt, tấm đầu kéo dính bám, keo gắn, máy thử độ dính bám…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
93.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Phễu hút chân không, đồng hồ bấm giây, bàn dằn, cân…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
94.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Cân, đồng hồ bấm giây, khâu đựng vữa, kim đâm xuyên….	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
95.	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền; Xác định ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-12:2022; TCVN 3121-17:2022; ASTM C1583-04	Máy thử cường độ bám dính, vòng hình nón cột, tấm đầu kéo, cân phân tích, tủ sấy, bình hút ẩm….	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
96.	Khả năng tách nước; Độ giãn nở của vữa sau 24h	ASTM C940	Khuôn, cân, thước…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
97.	Vữa cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt; độ lưu động; khả năng giữ độ lưu động; thời gian đông kết; cường độ nén; độ bám dính; hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 9028:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng lưu mẫu…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
98.	Vữa trộn khô không co: Xác định độ chảy, độ tách nước, cường độ chịu nén, sự thay đổi chiều cao cột vữa, thay đổi chiều dài thanh vữa	TCVN 9204:2012; ASTM C939	Cân kỹ thuật, nhớt kế, pipet, máy trộn, khuôn, đồng hồ đo biến dạng…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
99.	Xác định độ pH của vữa	TCVN 9339:2012	Máy đo độ pH, cân kỹ thuật, ống đong, bình định mức	- Đặng Văn Phương - Quách Minh Ngọc
Thử nghiệm cơ lý gạch xây				
100.	Xác định vết tróc do vôi; Xác định sự thoát muối gạch xây	TCVN 6355-7:2009; TCVN 6355-8:2009	Thùng, thước, tủ sấy, bàn chải, khay chứa nước	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
101.	Xác định Kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước cặp (calip), thước thép, eke, thước lá; Bàn kiểm tra; Kính lúp (nếu cần); Sổ ghi	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan

			chép	
102.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén vật liệu (có đồng hồ đo lực); Bàn nén; Tấm đệm; Thước đo; Thiết bị căn chỉnh mẫu.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
103.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử uốn; Gối tựa; Bộ gia tải; Đồng hồ đo lực; Thước đo.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
104.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g; Tủ sấy (105 ± 5)°C; Thùng/bể ngâm nước; Khăn lau; Khay đựng mẫu.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
105.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật; Thước đo kích thước; Thước cặp; Tủ sấy; Khay đựng mẫu.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
106.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật; Tủ sấy (105 ± 5)°C; Thước đo kích thước; Bình hút ẩm; Khay đựng mẫu.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn				
107.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Thước cặp (calip), thước thép, eke; Bàn kiểm tra; Thước lá; Sổ ghi chép.	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
108.	Xác định cường độ nén, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 6476:1999	Máy nén vật liệu; Máy thử mài mòn (Los Angeles hoặc tương đương); Cân kỹ thuật; Tủ sấy (105 ± 5)°C; Thùng ngâm nước; Khay mẫu	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm cơ lý gạch ốp lát, đá ốp lát				
109.	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016; TCVN 4732: 2016	Thước calip, thước đo kim loại, thước nivô	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
110.	Xác định độ hút nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 6415-3: 2016; TCVN 4732: 2016	Tủ sấy, cân, hệ thống hút chân không…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
111.	Xác định độ bền uốn và lực gẫy	TCVN 6415-4: 2016; TCVN 4732: 2016	Tủ sấy, đồng hồ đo áp lực tự ghi…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
112.	Xác định độ bền rạn men đối với gạch men	TCVN 6415-11: 2016; TCVN 4732: 2016	Nồi hấp	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
113.	Xác định độ cứng bề mặt, độ mài mòn	TCVN 6415-18: 2016; TCVN 4732: 2016	Giá đỡ, máy mài	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan

114.	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài; Xác định giãn nở ẩm; Xác định độ bền hóa; Xác định độ bền chống bám bẩn; XĐ hệ số ma sát; XĐ độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415: 2016	Thước cặp, tủ sấy, bút chì, đèn điện, cân, các thanh thép niken…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm cơ lý gạch, đá ốp lát tự nhiên				
115.	Xác định kích thước và hình dáng	TCVN 6415-2: 2016	Thước calip	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
116.	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3: 2016	Tủ sấy, cân, bình hút ẩm …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
117.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4: 2016	Tủ sấy, đồng hồ đo áp lực tự ghi…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
118.	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối gạch phủ men	TCVN 6415-7: 2016	Tủ sấy, cân, thiết bị mài mòn …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
119.	Xác định độ chịu mài mòn sâu	TCVN 6415-6: 2016	Thiết bị mài, dụng cụ đo, vật liệu mài	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
120.	Thí nghiệm đá ốp lát tự nhiên: Xác định hình dáng, kích thước, khuyết tật; độ vuông góc; độ phẳng cạnh; độ hút nước; độ mài mòn (bề mặt); khối lượng thể tích; độ bền uốn; độ cứng vạch bề mặt	TCVN 4732: 2016	Thước đo kim loại, thước nivô, thước đo góc kim loại	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm cơ lý gạch TERAZO				
121.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013	Thước, thước lá, thước nivô	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
122.	Xác định độ hút nước bề mặt; độ bền uốn	TCVN 7744:2013	Tủ sấy, cân, thước đo, máy thử uốn…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông				
123.	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Thước các loại	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
124.	Xác định: độ bền nén, độ hút nước, độ chịu mài mòn, khối lượng thể tích khô, Độ thấm nước	TCVN 6477:2016	Máy nén, thước lá thép, tủ sấy, cân …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm bê tông chịu nhiệt				

125.	Xác định khối lượng thể tích sau khi nung; Xác định cường độ nén sau khi nung; Xác định độ thay đổi chiều dài sau khi nung	ASTM C134; ASTM C133; ASTM C113	Máy nén, thước lá thép, lò nung, cân …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm gạch bê tông khí chưng áp (ACC)				
126.	Xác định kích thước, khối lượng thể tích khô, cường độ nén, độ co khô, xác định bền băng giá, hệ số ma sát	TCVN 7959:2017	Tủ sấy, thước lá kim loại, cân kỹ thuật, máy nén, đầu đo…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm gạch bê tông bọt, khí không chưng áp				
127.	Xác định kích thước, khối lượng thể tích khô, cường độ nén, độ co khô, độ hút nước, hệ số dẫn nhiệt	TCVN 9030:2017	Tủ sấy, cân, thước lá kim loại, bay, chảo, máy nén…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm ngói lợp				
128.	Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng trên 1m^2 ngói bão hòa	TCVN 4313:2023	Tủ sấy, cân, thùng ngâm mẫu, thiết bị thử uốn, khung kim loại …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
129.	Xác định độ bền rạn men, độ bền hóa của ngói tráng men	TCVN 6415:2016	Thước, đèn huỳnh quang…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng				
130.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100-06(10); ASTM D854-00	Bình tỷ trọng thể tích 500 hoặc 1000ml, máy hút chân không hoặc bếp điện, cân phân tích độ chính xác 0,01g, tủ sấy, nhiệt kế và bình hút ẩm	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
131.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-10	Tủ sấy 300°C, Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g, Cốc thủy tinh, Rây đường kính lỗ 1 mm, cốc sứ, chày sứ đầu bọc cao su, khay men	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
132.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318-00; AASHTO T89-10; AASHTO T90-00(08)	Rây kích thước lỗ 1 mm, Cối sứ, chày đầu bọc cao su, Bình thủy tinh có nắp, cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g, tủ sấy 300°C, Bát sứ tráng men hoặc	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan

			sứ, dao	
133.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88-10; AASHTO T27-11; ASTM C136-06; ASTM D1140-00; JIS A1204; ASTM D422-62(02)	Bộ sàng, cân kỹ thuật, Tủ sấy 300°C, máy lắc sàng, nhiệt kế, bình hút ẩm, máy nghiền đất, bình phun tia, nước cất, dụng cụ trộn mẫu	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
134.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080-98; AASHTO T236	Máy cắt phẳng, hộp cắt, tải tự hoặc hệ thống khí nén, vòng lực, đồng hồ so.	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
135.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; ASTM D3877; ASTM D4546; AASHTO T216; BS 1377:5	Máy nén cố kết có dao vòng kim loại, hệ thống gia tải, thiết bị đo biến dạng	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
136.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937-71	Dao vòng, cân kỹ thuật độ chính xác 0,1%, tủ sấy	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
137.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; ASTM D2434-00	Dao vòng thép, Hộp thấm đảm bảo kín nước. Ống đo áp được làm bằng thuỷ tinh hoặc chất dẻo đường kính trong khoảng từ 8 mm đến 10 mm.	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
138.	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790: 2020	Cối nhỏ ,cối lớn , Chày đầm tiêu chuẩn; Chày đầm cải tiến, chày đầm cơ khí, dụng cụ tháo mẫu, Cân chính xác ± 1g, cân chính xác ± 0,01g, Tủ sấy, sàng lỗ vuông 4,75mm ; 19 mm	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
139.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – Trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821 : 2011; AASHTO – T193; ASTM D1883	Tủ sấy, cân, thiết bị gia tải, sàng, cối, đồng hồ đo biến dạng…	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
140.	Xác định hàm lượng hữu cơ trong đất	TCVN 8726 : 2012; ASTM D2974; BS 1377-3:90	Cân, tủ sấy…	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan

141.	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012	Dao vòng, cân, thước cặp…	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
142.	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012	Hộp nén, cối chế bị	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
143.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của đất rời, sàng	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
144.	Xác định hàm lượng muối hòa tan trong đất	TCVN 9436:2012; TCVN 8727:2012; ASTM D4542; ISO 11265	Cối, chày, sàng, tủ sấy, bình hút ẩm, buret, pipet, hóa chất Hydroperoxit (H2O2)	- Nguyễn Văn Cảnh - Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
145.	Phân tích hóa học đất sét: Hàm lượng mất khi nung; hàm lượng silic dioxit (SiO2); hàm lượng sắt oxit (Fe2O3); hàm lượng nhôm oxit (Al2O3); hàm lượng titan dioxit (TiO2); hàm lượng canxi oxit (CaO); hàm lượng magie oxit (MgO); hàm lượng lưu huỳnh trioxit (SO3); hàm lượng kali oxit (K2O) và natri oxit (Na2O); hàm lượng clo (Cl)	TCVN 7131 : 2016	Cân phân tích, tủ sấy, sàng, lò nung, hóa chất, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương - Quách Minh Ngọc
146.	Xác định các đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012, ASTM D1883	Đồng hồ đo biến dạng, dao vòng, Bình chứa nước, Tấm đá thấm, cân kỹ thuật, tủ sấy	- Nguyễn Thị Nga - Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kiểm tra vật liệu kim loại và liên kết hàn				
147.	Kiểm tra kích thước hình học	TCVN 7937-1:2013; ISO 15630-1:2019; TCVN 11227-2; ISO 10799-2	Thước kẹp, thước đo góc, thước cuộn	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng

148.	Thử kéo	TCVN 197:2014; (ISO 6892:1998); AASHTO T244; ASTM A370; JIS Z2241:1998	Máy thử kéo – nén – uốn, Thước kẹp và thước cuộn	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
149.	Thử uốn	TCVN 198:2008; (ISO 7438:2005); JIS Z 2248:1996	Máy thử kéo – nén – uốn, Thước kẹp và thước cuộn	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
150.	Thép dùng cho bê tông cốt thép – PP thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
151.	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo thép	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
152.	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy thử kéo – nén – uốn, Thước kẹp đo chính xác 0,1mm	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
153.	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy thử kéo – nén – uốn, Thước kẹp đo chính xác 0,1mm	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
154.	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử kéo	TCVN 5401:2010	Máy thử kéo – nén – uốn, Thước kẹp đo chính xác 0,1mm	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
155.	Thử kéo Bu lông – Đai ốc trên đệm nghiêng	TCVN 1916-1995; ASTM A370:2002	Cân, thước kẹp, máy kéo vạn năng …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
156.	Thử nghiệm ống kim loại	ASTM A53	Cân, thước kẹp, máy kéo vạn năng …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
157.	Thử mối nối cốt thép bằng ống nối có ren	TCVN 8163:2009	Cân, thước kẹp, máy kéo vạn năng …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
158.	Kiểm tra sức chịu tải của nắp hố ga	BS EN 124:94; TCVN 10333-3:2014	Cân, thước kẹp, máy kéo vạn năng …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
159.	Thử tính chất cơ học đối với thép cốt bê tông và bê tông dự ứng lực; lưới thép hàn	TCVN 7937:2013; ASTM A 370:94; A416:93; TCVN 9391:2012; ISO 10544:1992	Cân, thước kẹp, máy kéo vạn năng …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
160.	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Thử nén dẹt	TCVN 5402:10	Máy kéo vạn năng và thiết bị kèm theo	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
161.	Thử độ cứng kim loại	TCVN 256-1:2006; TCVN 257-1:2006; TCVN 258-1:2007	Máy kéo vạn năng, mũi thử…	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
162.	Thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của nhôm (Xác định độ bền kéo, giới hạn chảy; độ giãn dài tương đối; độ cứng; dạng Profin và dung sai	TCVN 12513-2:2018 TCVN 197-1:2014 TCVN 12513 (Phần 3-6) TCVN 256-1 (ISO 6506-1):Thử độ cứng Brinell; TCVN 257-1 (ISO 6508-1): Thử độ cứng	Máy kéo vạn năng, thước kẹp …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai

	kích thước)	Rockwell; ASTM B647: thử độ cứng Webster; TCXDVN 330:2004		
163.	Lực siết của bu lông cường độ cao	JIS B1186	Kìm siết lực	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
164.	Xác định chiều dày lớp phủ mạ kẽm	TCVN 2095:93; TCVN 5408:2007	Tấm kính, cân, chổi …	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
Thử nghiệm tấm thạch cao				
165.	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh; Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi; Xác định cường độ chịu uốn; Xác định độ kháng nhổ đinh; Xác định độ biến dạng ẩm; Xác định độ hút nước; Xác định độ hấp thụ nước bề mặt; Xác định độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257-1:2023 TCVN 8257-2:2023 TCVN 8257-3:2023 TCVN 8257-4:2023 TCVN 8257-5:2023 TCVN 8257-6:2023 TCVN 8257-7:2023 TCVN 8257-8:2023	Máy kéo vạn năng, kẹp, cưa, thước đo, …	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
Thử nghiệm ống nhựa				
166.	Xác định độ va đập của ống nhựa , độ oval của ống; Thử áp suất của ống nhựa	TCVN 7305:2008	Đầu bịt, giá đỡ, TB tạo áp suất, TB đo áp suất, TB đo kích thước, nhiệt độ, thời gian	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
167.	Thử độ chịu nhiệt	TCVN 6148:2007 (ISO 2505:2005); ASTM D1525	Thiết bị gia nhiệt, thiết bị đo nhiệt độ, thời gian	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
168.	Thử độ bền kéo đứt	TCVN 7434:2004	Máy thử độ bền kéo, kẹp, giãn kế, khuôn cắt..	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
169.	Áp lực nén ngoài	TCVN 6149:2007	Đầu bịt, dụng cụ đo chiều dày, đường kính	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
170.	Thử độ bền nén	TCVN 7997:2009	Máy cắt, tấm thép phẳng…	- Đặng Văn Phương

				- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
Thử nghiệm kính xây dựng				
171.	Kiểm tra sai lệch chiều dày; Xác định khuyết tật ngoại quan, dung sai chiều dày kính; Xác định độ cong vênh	TCVN 7219:2018; TCVN 7527:2005; TCVN 7364-5, 6:2018	Thước panme, thước thép, giá đỡ…	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
172.	Xác định độ mài mòn kính	TCVN 7528:2005	Thiết bị thử độ chịu mài mòn	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
173.	Thử phá vỡ mẫu	TCVN 7455:2013	Khung, bi thép, búa, đục	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
174.	Xác định ứng suất bề mặt kính; Xác định ứng suất cạnh kính	TCVN 8261:2009	Tấm kính phân cực, tấm kính phân tích, thấu kính, chất lỏng MIF-154...	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
175.	Xác định độ bền va đập bằng bi rơi; bằng con lắc	TCVN 7368:2013	Khung thép, túi bi va đập, bi thép	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
176.	Xác định độ bền nhiệt (điều kiện ẩm; điều kiện khô)	TCVN 7364-4:2004	Thiết bị tạo nhiệt, các dụng cụ đo…	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
Thử nghiệm Bentonite				
177.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017; ASTM D4380	Dụng cụ cân tỷ trọng	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
178.	Xác định độ nhớt	TCVN 11893:2017; ASTM D6910	Phễu, sàng, đồng hồ bấm giờ, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
179.	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017; ASTM D4381	Bộ xác định hàm lượng cát, sàng, phễu, bình đo	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
180.	Xác định độ pH	TCVN 11893:2017; ASTM D4972	Thiết bị đo pH	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
181.	Xác định tỷ lệ keo; độ ổn định; độ thoát nước; chiều dày vỏ sét; ứng suất lực cắt	TCVN 11893:2017	Dụng cụ cân tỷ trọng, ống đong, Bộ dụng cụ Shearometer	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
Thử nghiệm vật liệu gỗ				

182.	Xác định chỉ tiêu gỗ tự nhiên: độ ẩm, khối lượng thể tích, giới hạn bền khi uốn tĩnh, modul đàn hồi khi uốn tĩnh, giới hạn bền nén, ứng suất song song thớ, giới hạn bền kéo	TCVN 8048:2009	Cân, bình hút ẩm, thước, máy thử…	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
183.	Xác định chỉ tiêu gỗ nhân tạo: Kích thước, độ vuông góc và thẳng cạnh, độ ẩm	TCVN 11904:2017	Thước đo góc vuông, panme, cân, tủ sấy, bình hút ẩm…	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
184.	Xác định khối lượng thể tích, độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước, modul đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh, độ bền kéo vuông góc với mặt ván, độ bền ẩm, chất lượng dán dính của ván gỗ dán, độ bền bề mặt, lực bám đinh vít, độ chống mài mòn	TCVN 7756:2007	Cân, tủ sấy, thước cặp, thước thẳng, kính lúp, thùng nước, máy kéo, bộ gá…	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
Thử nghiệm ván nhân tạo				
185.	Xác định kích thước, độ vuông góc, thẳng cạnh	TCVN 7756-2:2007	Thước thẳng , Thước góc, Thước cặp, Thước lá	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
186.	Xác định độ ẩm	TCVN 7756-3:2007	Tủ sấy, Bình hút ẩm, Cân phân tích	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
187.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 7756-4:2007	Cân chính xác đến 0,01 g, Thước cặp, Thước thẳng	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
188.	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước	TCVN 7756-5:2007	Thùng bảo dưỡng, Thước đo (thước cặp)	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
189.	Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh	TCVN 12446:2018	Máy thử uốn, gối đỡ hình trụ, Đầu gia tải	- Vũ Văn Thắng

	và độ bền uốn tĩnh		(con lăn)	- Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
190.	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 7756-7:2007	Máy kéo (máy thử vạn năng), Bộ gá/khối kéo bằng kim loại	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
191.	Xác định độ bền ẩm	TCVN 7756-8:2007	Thùng bảo dưỡng, Buồng lạnh, Tủ sấy	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
192.	Xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán	TCVN 7756-9:2007	Thùng bảo dưỡng, Thùng đun sôi nước để ngâm mẫu, Tủ sấy, Dụng cụ đo chiều dài, Máy kéo kèm bộ gá	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
193.	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 7756-10:2007	Máy kéo (máy thử vạn năng) có bộ gá kéo Keo dán khối kéo	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
194.	Xác định lực bám giữ đinh vít	TCVN 7756-11:2007	Thiết bị thử, Gá kim loại Đinh vít thép	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
Thử nghiệm ván sợi, ván MDF				
195.	Xác định kích thước, độ vuông góc, thẳng cạnh	TCVN 7753-2:2007	Thước thẳng , Thước góc, Thước cặp, Thước lá	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
196.	Xác định độ ẩm	TCVN 7753-3:2007	Tủ sấy, Bình hút ẩm, Cân phân tích	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
197.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 7753-4:2007	Cân chính xác đến 0,01 g, Thước cặp, Thước thẳng	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương

198.	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm nước	TCVN 7753-5:2007	Thùng bảo dưỡng, Thước đo (thước cặp)	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
199.	Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh	TCVN 7753-6:2007	Máy thử uốn, gối đỡ hình trụ, Đầu gia tải (con lăn)	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
200.	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 7753-7:2007	Máy kéo (máy thử vạn năng), Bộ gá/khối kéo bằng kim loại	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
201.	Xác định độ bền ẩm	TCVN 7753-8:2007	Thùng bảo dưỡng, Buồng lạnh, Tủ sấy	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
202.	Xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán	TCVN 7753-9:2007	Thùng bảo dưỡng, Thùng đun sôi nước để ngâm mẫu, Tủ sấy, Dụng cụ đo chiều dài, Máy kéo kèm bộ gá	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
203.	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 7753-10:2007	Máy kéo (máy thử vạn năng) có bộ gá kéo Keo dán khối kéo	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
204.	Xác định lực bám giữ đinh vít	TCVN 7753-11:2007	Thiết bị thử, Gá kim loại Đinh vít thép	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
Thử nghiệm tấm composite				
205.	Xác định khối lượng riêng, độ bền kéo, uốn, nén, độ bền va đập, nhiệt hóa mềm, nhiệt độ biến dạng, sự thay đổi kích thước khi gia nhiệt, độ bền hóa chất, độ bền ngâm nước sôi	ASTM D1505, TCVN 4501:2014, ASTM 638-02; ASTM 695-02	Máy thử, bộ kẹp, dụng cụ chỉ thị thị lực, thiết bị đo độ biến dạng	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
Thử nghiệm hiện trường				

206.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020; TCVN 8730:2012; AASHTO T204	Cân chính xác 1g, Sàng 5mm, dao gạt đất, dao đai, búa, bàn chải lông , dụng cụ đốt ẩm hiện trường	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
207.	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8730:2012; AASHTO T191; ASTM D1556	Bộ phễu rót cát, Cân 15kg ,Các dụng cụ khác(dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông , dụng cụ đốt ẩm hiện trường	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
208.	Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, Đồng hồ so, cát sạch, thước nivo	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
209.	Phương pháp xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Cảm biến, đồng hồ, kích thủy lực, tấm ép, giàn chất tải…	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Tuyết Mai
210.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022; ASTM D1586; BS 5930; ISO 22476-3	Giàn khoan, búa đóng	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga
211.	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143, D3689	Kích, bơm thủy lực, tấm đệm đầu cọc, đầu kích bằng thép, đồng hồ đo, tải trọng…	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
212.	Thí nghiệm xuyên tĩnh hiện trường (CPT)	TCVN 9352:2012; ASTM D3441	Máy xuyên tĩnh CPT (xe CPT hoặc khung phản lực); Đầu xuyên (cone) có cảm biến lực và áp lực nước; Cần xuyên; Bộ đo và ghi số liệu; Hệ thống thủy lực; Máy tính/thiết bị ghi dữ liệu.	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân -Vũ Thị Thanh Thủy
213.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	TCVN 10184: 2021; 22TCN 355:2006; ASTM D2573/D2573M-15;	Bộ cắt cánh (vane shear); Cần khoan/cần xuyên; Đồng hồ đo mô men xoắn; Thiết bị truyền lực; Giá đỡ; Thước đo chiều sâu.	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga
214.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950-98; ASTM E1082-90(02)	Thước thẳng 3m; Nêm đo khe hở (chêm); Thước lá hoặc thước đo khe; Bút đánh dấu	- Đặng Văn Phương -Vũ Thị Thanh Thủy
215.	Xác định modul đàn hồi "E" chung của áo	TCVN 8867:11; AASHTO T256-77;	Cần Benkelman; Xe tải chuẩn (tải trọng trục	- Đặng Văn Phương

	đường bằng cần Benkelman	ASTM D4685-96	theo quy định); Đồng hồ đo độ võng; Tấm đế; Thước đo; Nhiệt kế mặt đường.	- Phạm Văn Quân
216.	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng PP con lắc Anh	TCVN 8866:2011; ASTM E965-96 TCVN 10271: 2014	- Cân, thước, bàn chải, bàn xoa, ống đong, cát tiêu chuẩn - Con lắc Anh	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
217.	Xác định chỉ số CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429; BS 1377 part 9-4.3	Kích gia tải, đầu xuyên, đầu nối, cần nối...	- Nguyễn Thị Ngọc Lan -Vũ Thị Thanh Thủy
218.	Thử tải ống cống bê tông cốt thép	TCVN 9113:2012	Thước các loại, máy ép thủy lực, thanh gối tựa	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
219.	Cọc bê tông li tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014; JIS A5335	Thước các loại, eke	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
220.	Thí nghiệm đẩy ngang cọc bê tông cốt thép	ASTM D3966:90	Kích, ĐH đo áp lực, ĐH đo biến dạng…	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
221.	Đo áp lực nước lỗ rỗng, lún mặt, lún sâu nền đất	ASTM D4767-5; TCVN 8869:11	Ống lọc, ống giếng, máy đo mực nước…	- Nguyễn Thị Ngọc Lan -Vũ Thị Thanh Thủy
222.	Xác định độ chống thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và hố khoan	TCVN 8731:2024	Vòng chắn bằng thép, Thùng đo lưu lượng, đồng hồ bấm giây, thước đo chiều dài, thùng chứa…	- Nguyễn Thị Nga -Vũ Thị Thanh Thủy
223.	Thí nghiệm cọc bằng PP biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12; ASTM D5882	Thiết bị tạo xung lực, đầu thu	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
224.	Kiểm tra bê tông cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012	Thiết bị siêu âm cọc	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
225.	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016; ASTM D4945	Quả nặng, Thiết bị thu nhận tín hiệu động	- Đặng Văn Phương - Phạm Văn Quân
Thử nghiệm vải địa kỹ thuật, bấc thấm và vỏ bọc bấc thấm				

226.	Cường độ kéo và độ giãn dài	TCVN 8871-1:2011; TCVN 8485:2010; ASTM D4595; ASTM D4632; ASTM D882; ASTM D624; ASTM D6637; ISO:10319:15; ASTM D5034	Thiết bị kéo, ngàm kẹp	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
227.	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:11; ASTM D4533	Thiết bị kéo, ngàm kẹp	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
228.	Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241; ISO 12236:06	Thiết bị nén, mũi xuyên, ngàm kẹp	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
229.	Sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833	Thiết bị nén, mũi xuyên, ngàm kẹp	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
230.	Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786	Thiết bị nén, mũi xuyên, ngàm kẹp	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
231.	Xác định kích thước lỗ	TCVN 8871-6:2011; TCVN 8486:10; ASTM D4751:95	Thiết bị lắc, khay, hạt thủy tinh, cân, tủ sấy	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
232.	Xác định độ thấm xuyên, hệ số thấm	TCVN 8487:2010; ASTM D4491; ASTM D4716; ISO 11058	Thiết bị đo độ thấm xuyên, đồng hồ bấm giây, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
233.	Khối lượng của chỉ nối	ASTM D1907-07; ISO 12958:2010	cân phân tích	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
234.	Cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:2012; ASTM D2256	Thiết bị kéo	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
235.	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D5261; ASTM D3776; ISO 9864:05	Cân, thước	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
236.	Độ dày danh định, độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009; ASTM D5199; ASTM D3776; ISO 9863:05; ASTM 5994:99; ASTM 1777	Thước đo	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
237.	Xác định sức bền kháng thủng bằng phương pháp rơi côn	TCVN 8484:2010; ISO 13433:2006	Thiết bị thả rơi, côn đo	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
238.	Xác định độ dẫn nước, khả năng thoát nước	TCVN 8483:2010; ASTM D4176; ASTM D4491; ASTM D6918; ISO 12958:10	Thiết bị đo độ dẫn nước, cân, đồng hồ bấm giây, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
239.	Xác định khả năng chịu nhiệt độ, độ ẩm	TCVN 8482:2010	Buồng thử nghiệm	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng

240.	Xác định chiều rộng cuộn	ASTM D3774	Thước đo	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
241.	Xác định cường độ kéo của chỉ nối	ASTM D2256; ASTM D638	Thiết bị kéo, ngàm kẹp	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
242.	Xác định lực ma sát bằng phương pháp cắt trực tiếp	ASTM D5321	Thiết bị shear box nghiêng, hộp trượt, thiết bị đo góc nghiêng	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
243.	Lưới địa kỹ thuật: Cường độ chịu kéo, độ dãn dài	ASTM D6637; ASTM D882; ASTM D624	Thiết bị kéo, ngàm kẹp, thước đo	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
Thử nghiệm băng chặn nước PVC				
244.	Kích thước và sai lệch kích thước	TCVN 9407: 2014; TCVN 7756-2:2007	Thước các loại	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Lợi
245.	Khối lượng riêng	TCVN 9407: 2014; TCVN 4866:2007	Cân phân tích, đĩa, cốc, bình tỷ trọng	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Lợi
246.	Độ cứng Shore A	TCVN 9407: 2014; TCVN 1595-1:2007	Thiết bị đo độ cứng	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Lợi
247.	Cường độ chịu kéo, độ giãn dài khi đứt	TCVN 9407: 2014; TCVN 4509:2006	Thiết bị thử kéo, thước đo	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Lợi
248.	Tỉ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9407: 2014; TCVN 9407-3:2014	Cân kỹ thuật, tủ sấy	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Lợi
249.	Độ bền hóa chất trong môi trường kiềm và môi trường nước muối	TCVN 9407: 2014	Bình chứa, tủ sấy, cân, thước kẹp	- Quách Minh Ngọc - Bùi Thị Thùy Dương
Thử nghiệm băng trương nở				
250.	Khối lượng thể tích	ASTM D71	Cân phân tích, Bộ gá cân tỷ trọng, Cốc/bình chứa, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
251.	Độ trương nở (thể tích) trong nước sạch và trong nước có độ mặn/hóa chất	ASTM D471-16	Tủ sấy, Bể ngâm mẫu, Cân phân tích, Thước cặp, Đồng hồ bấm giờ	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
252.	Độ bền kéo đứt, Độ giãn dài khi đứt	ASTM D412	Thiết bị thử kéo, thước đo	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng
253.	Độ cứng (Shore A)	ASTM D2240	Máy đo độ cứng, giá đỡ tải trọng	- Đặng Văn Phương - Vũ Văn Thắng

Thử nghiệm sơn				
254.	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015 ASTM D1210-05(2022)	Thước đo	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
255.	Xác định thời gian chảy (độ nhớt)	TCVN 2092:2013 ASTM D1200-23	Phễu chảy, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
256.	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:1993 ASTM D2369-24	Máy ly tâm, cân, giấy lọc…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
257.	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993 ASTM D2805-11(2023)	Tấm kính, cân phân tích	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
258.	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:2015 ASTM D1640/D1640M-14(2022)	Đồng hồ bấm giờ, quả cân…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
259.	Xác định độ bám dính của màng	TCVN 9349:2012; ISO 4624 ASTM D4541-22 (ISO 4624)	Thiết bị kéo, máy mài, bàn chải…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
260.	Xác định độ cứng của màng	TCVN 2098:2007 ASTM D4366-16(2021)	Con lắc, đồng hồ đếm…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
261.	Xác định độ bóng của màng	TCVN 2101:2016 ASTM D523-25	Tấm nền, thiết bị đo bóng	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
262.	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2008 ASTM D2244-25 (đo màu bằng máy) ASTM D1729-16 (so màu bằng mắt thường)	Mẫu chuẩn, tấm sắt	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
263.	Xác định độ bền theo phép thử cắt ô	TCVN 2097:2015 ASTM D3359-23	Dao cắt, kính lúp	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
264.	Phép thử dao động tắt dần của con lắc	TCVN 2098:2007 ASTM D4366-16(2021)	Con lắc, đồng hồ đếm…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
265.	Xác định độ bền uốn	TCVN 2099:2007 ASTM D522/D522M-17(2021)	Thiết bị thử uốn	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy

				Dương
266.	Xác định độ bền va đập	TCVN 2100:2007 ASTM D2794-93(2024)	Thiết bị rơi tải trọng, giá đỡ…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
267.	Xác định độ bền kiềm	TCVN 6934:2001 ASTM D1308-20(2025) (áp dụng thuốc thử kiềm trong danh mục hoá chất thử)	Hóa chất, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
268.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 10237:2013 ASTM D1475-13(2025) (ISO 2811-1)	Cân kỹ thuật	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
269.	Xác định độ bền nhiệt, nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012; ASTM D2247-25; TCVN 9762:13; ISO 3248:98	Chổi quét, kính lúp, giấy thấm	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
270.	Xác định độ bền với chất lỏng	TCVN 10517-3:2014; ASTM D1308-20(2025)	Buồng gia nhiệt, kính, giấy lọc	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
271.	Xác định độ thấm nước	TCVN 8652:2012; ASTM D1653-13(2021)	Dụng cụ thử độ thấm nước, pipet, nước cất	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
272..	Xác định độ dày màng sơn	TCVN 9760:2013; TCVN 9406:2012; ASTM E376-19	Dụng cụ đo kiểu răng lược, kiểu bánh xe	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
273.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi	TCVN 10370:2014; GOST 17537; ISO 11890-2; ASTM D2369-24	Bơm, xi lanh, lọ đựng…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
274.	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 10519:2014; TCVN 10518:14; ASTM D2369-24	Đĩa phẳng, tủ sấy, cân	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
275.	Xác định độ cứng bút chì	JIS K 5600; ASTM D3363-22	Bộ bút thử độ cứng	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
276.	Xác định độ nhớt, độ ổn định biến dạng nhiệt	TCVN 9879:2013; ASTM D562-10(2023)	Nhớt kế	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
277.	Xác định tỷ trọng	ASTM D1475-13(2025)	Cốc đo, cân phân tích	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy

				Dương
278.	Xác định PH	ASTM E70-24	Máy đo pH	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
279.	Xác định khả năng kháng kiềm, kháng acid	JIS K5400; ASTM D1308-20(2025)	Cốc đo, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
280.	Sơn kẻ đường nhiệt dẻo, sơn phản quang: Xác định chất tạo màng, phân loại hạt và hàm lượng hạt thủy tinh, độ phát sáng, độ bền nhiệt, độ mài mòn, độ kháng chảy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn, nhiệt độ hóa mềm	TCVN 8791:2018; AASHTO M249	Thùng chứa, nhiệt kế, tủ hút…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
281.	Sơn epoxy: Tính đồng nhất, tính ổn định, độ mịn, thời gian khô, khả năng thi công, bề ngoài màng sơn, độ bóng, độ bền va đập, khả năng chịu kiềm, chịu muối, chịu xăng, hàm lượng chất không bay hơi, độ bền thời tiết	TCVN 9014:11; TCVN 5669:13; TCVN 8792:11; ASTM D2485-91; JIS K 5551:02; ISO 2808; ISO 15528; ISO 1513; ISO 1524; ISO 2813; ISO 6272 • Hàm lượng không bay hơi: ASTM D2369-24 • Độ bền va đập: ASTM D2794-93(2024) • Độ bám dính/uốn: ASTM D4541-22, ASTM D522/D522M-17(2021) • Độ bóng: ASTM D523-25 • Chịu kiềm/muối/xăng: ASTM D1308-20(2025) • Độ cứng con lắc: ASTM D4366-16(2021)	Tấm thử, cốc, nhiệt kế, tủ sấy…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
282.	Sơn tường - Sơn nhũ tương: Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính sử dụng, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn, xác định độ bền nước của màng sơn,	TCVN 8652:2020; TCVN 8653:2024; ASTM D870; ASTM D4213 • Trạng thái/độ bền nước: ASTM D870-18 • Độ rửa trôi (scrub resistance): ASTM D4213-20	Tấm thử, cốc, nhiệt kế, tủ sấy…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương

	xác định độ bền kiềm của màng sơn, độ rửa trôi, chu kỳ nóng lạnh, xác định độ thấm nước	• Ổn định nhiệt độ thấp (chu kỳ đông-tan): ASTM D2243-20		
283.	Sơn và lớp phủ bản vệ kim loại: Xác định độ mất màu, độ tích bụi (sau khi rửa nước), độ thay đổi độ bóng, độ mài mòn, độ rạn nứt, độ đứt gãy, độ phồng rộp, độ tạo vảy và bong nước, độ phấn hóa, mức độ phát triển của nấm và tảo	TCVN 8785:11; ASTM D1654-24 Kết hợp thêm theo từng chỉ tiêu: rỉ sét ASTM D610-25; phồng rộp ASTM D714; rạn nứt ASTM D660/D661; nấm/tảo ASTM D3274; phấn hoá ASTM D4214	Tấm thử, cốc, nhiệt kế, tủ sấy…	- Đặng Văn Phương - Bùi Thị Thùy Dương
Thử nghiệm bột bả				
284.	Độ mịn	TCVN 4030:2003	Sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
285.	Thời gian đông kết	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
286.	Độ giữ nước	TCVN 7239:2014	Cân, đồng hồ, chảo, bay, ống đong	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
287.	Độ cứng bề mặt	TCVN 7239:2014	Dụng cụ đo độ cứng, cân, chảo	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
288.	Cường độ bám dính	TCVN 7239:2014	Thiết bị kéo, cân, tủ sấy	- Vũ Văn Thắng - Nguyễn Thị Nga - Đặng Văn Phương
Thử nghiệm vật liệu chống thấm dạng lỏng sử dụng bên dưới lớp chất kết dính dán gạch gốm ốp lát				
289.	Cường độ bám dính khi kéo ở điều kiện tiêu chuẩn, Cường	TCVN 12692:2020	Máy kéo nén vạn năng, Khuôn đúc mẫu, Đầu gá kéo bằng kim loại,	- Đặng Văn Phương

	độ bám dính khi kéo sau khi ngâm nước, Cường độ bám dính khi kéo sau khi lão hóa nhiệt, Cường độ bám dính khi kéo sau chu kỳ đóng băng - tan băng; Cường độ bám dính khi kéo sau khi tiếp xúc với nước vôi		Keo dán chuyên dụng (gốc epoxy), Bể ngâm mẫu, Tủ sấy, Tủ cấp đông	- Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
290.	Khả năng chống thấm nước / Độ xuyên nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 12692:2020	Thiết bị đo độ xuyên nước	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
291.	Khả năng tạo cầu vết nứt ở điều kiện tiêu chuẩn và nhiệt độ thấp	TCVN 12692:2020	Máy kéo, Buồng lạnh sâu (tủ lạnh)	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
Thử nghiệm Vật liệu chống thấm - Sơn nhũ tương bitum, Sơn bitum cao su				
292.	Độ mịn	TCVN 2091:2015	Thước đo, Dao gạt, kính lúp	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
293.	Độ nhớt quy ước (ở 27 ± 2 °C)	TCVN 2092:2013	Phễu chảy, Giá đỡ phễu, Đồng hồ bấm giây, Nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
294.	Độ phủ	TCVN 2095:2015	Tấm kính tiêu chuẩn, Cân phân tích, Tủ sấy	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
295.	Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:2013	Cân phân tích, Tủ sấy, Bình hút ẩm	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc

296.	Thời gian khô	TCVN 6557:2000	Thước gạt màng sơn, Tấm nền, Quả cân chuẩn, Đồng hồ bấm giờ	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
297.	Độ bền uốn	TCVN 2099:2013	Bộ thiết bị uốn trục hình trụ, tấm đai, kính lúp	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
298.	Độ bám dính của màng (trên nền bê tông/vữa)	TCVN 2097:2015	Dao cắt bám dính, Chổi quét mềm, Băng dính chuyên dụng, kính lúp	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
299.	Độ chịu nhiệt	TCVN 9065:2012	Tấm nền thử, Tủ sấy, Giá treo/kẹp giữ mẫu, thước kẹp	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
300.	Độ xuyên nước	TCVN 9065:2012	Máy thử độ thấm	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
301.	Độ bền lâu	TCVN 9065:2012	Tủ sấy, bể ngâm, tủ dưỡng hộ	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
Thử nghiệm Vật liệu chống thấm - Tấm trải chống thấm, Màng polyme bitum biến tính				
302.	Tải trọng kéo đứt và độ dãn dài	TCVN 9067-1:2012	Máy kéo nén vạn năng, dao, thước kẹp	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
303.	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 9067-2:2012	Máy thử thấm,	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị

				Nga - Quách Minh Ngọc
304.	Độ bền nhiệt	TCVN 9067-3:2012	Tủ sấy, Đồng hồ bấm giây	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
305.	Độ linh động ở nhiệt độ thấp (Độ dẻo ở nhiệt độ thấp)	TCVN 9067-4:2012	Tủ lạnh, bộ trục uốn, kính lúp	- Đặng Văn Phương - Nguyễn Thị Nga - Quách Minh Ngọc
Thử nghiệm bê tông nhựa				
306.	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; ASTM D1559; AASHTO T245	Máy nén, đồng hồ đo biến dạng	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
307.	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11; ASTM D 2172; AASHTO T164	Máy quay ly tâm, giâys lọc, tủ sấy, bình hút ẩm…	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
308.	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11; AASHTO T172	Sàng các loại, cân kỹ thuật	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
309.	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11; ASTM D2041; AASHTO T209	Cân, máy hút, tủ sấy, áp kế, nhiệt kế…	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
310.	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11; ASTM D 2726; AASHTO T166	Tủ sấy, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
311.	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11; AASHTO T51/T305	Tủ sấy, cân	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
312.	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11; AASHTO T304	Ống đong, phễu, tấm kính, cân…	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
313.	Phương pháp xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:11	Khuôn đúc, búa đầm, tủ sấy, thiết bị thử marshall	- Đặng Văn Phương

				- Vũ Thị Thanh Thủy
314.	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11; AASHTO T269; ASTM D3203	Cân kỹ thuật, tủ sấy	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
315.	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11; AASHTO T269; ASTM D3203	Cân kỹ thuật, bình chân không, tủ sấy	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
316.	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	Cân kỹ thuật, tủ sấy	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
317.	Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11; AASHTO T245	Cân kỹ thuật, tủ sấy	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
318.	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, KL riêng, KL thể tích, KL-TT và độ rỗng dư, hệ số háo nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	TCVN 12884-2:2020; 22TCN 58:84; ASTM D5329	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng, bình hút ẩm …	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
Thử nghiệm bitum, nhựa đường lỏng, nhũ tương axít				
319.	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI theo phụ lục II Thông tư 27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495:05; ASTM D5; AASHTO T49	Thiết bị xuyên kim	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
320.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7469:05; ASTM D113; AASHTO T51	Máy đo kim lún, thiết bị điều nhiệt	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
321.	Xác định điểm hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05; ASTM D36; AASHTO T53	Vòng, tấm lót, bi, vòng dẫn hướng, bình, khung treo…	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
322.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2:11; ASTM D92; AASHTO T48	Cốc hở Cleveland, dụng cụ đo nhiệt độ, dung môi axeton	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy

323.	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05; ASTM D6; AASHTO T47	Tủ sấy, nhiệt kế, cốc mẫu	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
324.	Xác định lượng hòa tan trong Tricorothylene	TCVN 7500:05; ASTM D2042; AASHTO T44	Cốc thử, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, tủ sấy, hóa chất	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
325.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05; ASTM D70; AASHTO T228	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
326.	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:05; TCVN 8818-5:11; ASTM D2170; AASHTO T59	Nhớt kế, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
327.	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:05; DIN 52015	Tủ sấy, nhiệt kế, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, đồng hồ bấm giây	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
328.	Xác định độ bám dính đối với đá	TCVN 7504:05; ASTM D3625; AASHTO T182	Dây buộc chịu nhiệt, bếp đun, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
329.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:11	Nhớt kế, phễu lọc, nhiệt kế, bình đong, đồng hồ bấm giây	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
330.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11	Bình, cân, cốc, đũa khuấy, tủ sấy	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
331.	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11	Sàng, khay kim loại, nhiệt kế, cân, tủ sấy…	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
332.	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:11	Nguồn điện, điện cực, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây…	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
333.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11	Lưới sàng, buret, cân, tủ sấy, thuốc thử	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
334.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:11	Sàng, chảo trộn, ống đong, cân, tủ sấy	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy

335.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11	Sàng, chảo trộn, nhiệt kế, cân, pipet	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
336.	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:11; TCVN 8818-4:11	Nồi chưng cất, nguồn điện, nhiệt kế, ống đong, cân, sàng	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
337.	Xác định độ bay hơi	TCVN 8817-10:11	Cốc thủy tinh, đũa thủy tinh, cân, tủ sấy, sàng	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
338.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11	Cốc trộn, dao trộn, tủ sấy, cân, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
339.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:11	Sàng, cốc thủy tinh, cân kỹ thuật	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
340.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11	Cốc thủy tinh, đũa thủy tinh, ống đong, nhiệt kế	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
341.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11	Bình đong, cân, bể ổn nhiệt	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
342.	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:11	Cốc kim loại, chảo , ống đong, dao trộn, sàng tiêu chuẩn	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy
343.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:11	Bình chưng cất, thiết bị gia nhiệt, ống ngưng, ống hứng	- Đặng Văn Phương - Vũ Thị Thanh Thủy

2.1. Danh mục máy móc, thiết bị chính

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
1.	Vòng đo lực máy nén ba trục	TSZ10-1.0	Phạm vi đo lớn nhất 3kN, đồng hồ so (0-10) mm, giá trị ộ chia 0.01mm	01		Tốt
2.	Áp kế - Máy thấm bê tông	Lò xo	Phạm vi đo (0~4) Mpa, giá trị vạch chia nhỏ nh 0.05 Mpa	03		Tốt

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
3.	Áp kế - Máy thấm bê tông	PR 50-60	Phạm vi đo (0~10) Mpa, giá trị vạch chia nhỏ nh 0.2 Mpa	01		Tốt
4.	Vòng đo lực máy cắt phẳng	Ứng biến	Phạm vi đo lớn nhất 1.2kN, giá trị độ chia 0.01 mm	01		Tốt
5.	Máy thử mài mòn Los Angeles	MH-II, TA-012	TCVN 605-1995	02		Tốt
6.	Máy thử mài mòn gạch ốp lát	LAM-8	TCVN 6065-1995	01		Tốt
7.	Máy thử độ bền nén	TYA-2000	Phạm vi đo: (0 ÷ 2000) kN, giá trị độ chia (0÷999.99)kN, d = 0.01 kN (1000 ÷ 2000 kN, d = 0.1 kN	01		Tốt
8.	Máy thử độ bền nén	TYA-2000	Phạm vi đo: 0 ÷ 999 kN, d = 0.01 kN Phạm vi đo: (1000÷2000) kN, d = 0.1 kN	01		Tốt
9.	Máy thử độ bền nén	TYE-2000	Phạm vi đo: (0 ÷ 800) kN, d = 2.5 kN Phạm vi đo: (0÷2000) kN, d = 5 kN	01		Tốt
10.	Máy nén 1000 KN	WA-1000	Phạm vi đo: 0 ÷ 2000 kN, d = 0.01 kN	01		Tốt
11.	Máy nén 100C	TYA-100C	Phạm vi đo: 100kN, d=0.01 kN			Tốt
12.	Tủ sấy		Phạm vi làm việc: (10 ÷ 300) °C			Tốt
13.	Máy thử đồ bền kéo nén uốn	WE-1000B	Phạm vi làm việc: (10 ÷ 1000) °C	01		Tốt
14.	Máy thử đồ bền kéo nén uốn	WDW-100	Phạm vi đo lớn nhất: 100 kN, d = 0.01 kN	01		Tốt
15.	Máy đầm proctor tự động	JZ-2D	TCVN 12790:2020	01		Tốt
16.	Thước vặn đo ngoài	293-241-30	Phạm vi đo lớn nhất: (25 ÷ 500), d=0.001mm	01		Tốt
17.	Lò nung	SX2-4-10	Phạm vi đo Max 1000°C, d=1°C			Tốt

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
18.	Kích thuỷ lực	Thuỷ lực	Phạm vi đo lớn nhất: 100kN, Đồng hồ áp suất (0 ÷ 60) Mpa-serial:967969	01		Tốt
19.	Bộ thí nghiệm nước – Máy đo PH	HI98107	Phạm vi đo 0-14pH	01		Tốt
20.	Cân điện tử	RC21P30	Phạm vi đo lớn nhất 30.333g, d=1g	02		Tốt
21.	Cân điện tử	Điện tử- Hiện số	Phạm vi đo lớn nhất 600g, d=0.01g	01		Tốt
22.	Cân điện tử	AB-FPA214	Phạm vi đo lớn nhất 210g, d=0.0001g	01		Tốt
23.	Cân điện tử	ALC-15A	Phạm vi đo lớn nhất 15kg, d=0.1g	01		Tốt
24.	Cân điện tử	PA4101	Phạm vi đo lớn nhất 4100g, d=0.1g	01		Tốt
25.	Cân điện tử	GS622	Phạm vi đo lớn nhất 620 g, d=0.01g	01		Tốt
26.	Cân kỹ thuật	GS-622N	Phạm vi đo lớn nhất 600 g, d=0.01g	01		Tốt
27.	Kích thuỷ lực các loại	KN 150 - 150 KN 200 - 200 KN 350 - 350	Phạm vi đo lớn nhất từ 1500 – 2000 - 3500kN, kế (0-60)Mpa	03		Tốt
28.	Đồng hồ so (thiết bị co ngót bê tông)	HPS-540	Đồng hồ so: Phạm vi đo (0-5) mm, Giá trị độ phân giải 0.001 mm	04		Tốt
29.	Đồng hồ đo lực	chỉ thị kim	Phạm vi đo đến 120kN. d=2 kN	02		Tốt
30.	Đồng hồ đo lực	chỉ thị kim	Phạm vi đo đến 16kN. d=0.4 kN	02		Tốt
31.	Đồng hồ so	Cơ	Phạm vi đo (0-10) mm, d=0.01mm	04		Tốt
32.	Đồng hồ so - Đồng hồ đo biến dạng	Điện tử	Phạm vi đo (0-10) mm, d=0.01mm	04		Tốt
33.	Đồng hồ so	LINKS	Phạm vi đo (0-10)mm, d=0.01mm	09		Tốt
34.	Đồng hồ so	Cơ	Phạm vi đo (0-50) mm, d=0.01mm	12		Tốt

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
35.	Kích thuỷ lực	300-200	Phạm vi đo (0 ÷ 3 127) kN, đồng hồ áp suất (0 ÷ 100) Mpa, độ chia 2Mpa/vạch	01		Tốt
36.	Kích thuỷ lực	JCW 500-200	Phạm vi đo lớn nhất 6.200 kN, đồng hồ áp suất (0 ~60) Mpa, độ chia 1 Mpa/vạch	02		Tốt
37.	Áp kế thiế bị đo xuyên tĩnh	N/A	phạm vi đo (0 ~250), bar ≈ (0~25) Mpa	01		Tốt
38.	Máy thử đồ bền nén	TYA-2000	Phạm vi đo lớn nhất 2000kN	01		Tốt
39.	Máy thử độ bền nén	TYE-2000	Phạm vi đo (0 ÷ 800) kN, d=2,5 kN, Pham vi đo (0 ÷ 2000) kN, d=5 kN	01		Tốt
40.	Máy thử độ bền kéo,nén, uốn	WE-1000B	Phạm vi đo lớn nhất (0 ÷10)	01		Tốt
41.	Máy thử độ bền nén	TYE-300C	Phạm vi đo lớn nhất 300kN, d=0.01kN	01		Tốt
42.	Máy thử độ bền kéo,nén, uốn	TYE-100C	Phạm vi đo lớn nhất 100kN, giá trị độ chia 0.01kN	01		Tốt
43.	Tủ sấy	101-2A 101-2	Nhiệt độ vận hành max 300 °C, độ phân giải 1°C	03		Tốt
44.	Máy quang kế ngọn lửa	FP6440	Độ phân giải 1 (I emis), phạm vi đo K: 0 ÷100 mG/L, Na: 0 ÷160 mg/L	01		Tốt
45.	Cân phân tích	AB-FPA214	khối lương tối đa 210 g, độ phân giải 0.0001g	01		Tốt
46.	Lò nung	SX-4-10	Nhiệt độ vận hành max 1000 °C, độ phân giải 1 °C	01		Tốt
47.	Máy quang phổ hấp thụ phân tử	T5V	Độ phân giải 0.1 nm, Độ phân giải 0.001 Abs	01		Tốt
48.	Máy đo pH	HI 98107	Phạm vi đo (0.1~14.0)pH, độ phân giải 0.1 pH	02		Tốt

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
49.	Máy nén CBR vật liệu trong phòng	CBR-1	Công suất 50 kN, tốc độ gia tải 1 mm/phút	01		Tốt
50.	Máy DC60 – Nguồn điện áp 1 chiều	E251205-001	Dòng điện áp 1 chiều, Umax = 60 V	01		Tốt
51.	Nhiệt kế chỉ thị hiện số của bể ổn nhiệt	CF-B	Phạm vi đo (0 – 100)°C, độ phân giải 1 °C	01		Tốt
52.	Bộ xác định thời gian đông kết cảu bê tông	HG-80S	Phạm vi đo (0 – 1200) N, hiển thị số	01		Tốt
53.	Lưới sàng		Đường kính sàng 300mm, kích thước mắt sàng 0.075 mm	01		Tốt
54.	Thiết bị đặt mức áp suất (Bơm tạo áp suất)	RP 50-60	Khả năng tạo áp suất: (0 – 10) Mpa	01		Tốt
55.	Bộ cối chày Proctor cải tiến		Kích thước cối: Đường kính trong 152.4mm, chiều cao 116.43mm Chày đầm nặng 4.54kg Chiều cao rơi: 457mm	03		Tốt
56.	Bộ đo K dao vòng 200 cm^3		Dao đai thể tích 200 cm^3	10		Tốt
57.	Bộ đo K dao vòng lớn		Gồm: Búa 4,5 kg; tay nắm; thanh dẫn hướng; chụp dao vòng; lưỡi dao vòng D97mm x 127mm	10		Tốt
58.	Bộ đo K rót cát		Gồm: Búa, bộ rót cát, đế định vị, đinh cố định	6		Tốt
59.	Bếp gas mini			10		Tốt
60.	Bay xúc			10		Tốt
61.	Bộ đo môđun đàn hồi E bằng tấm ép cứng		Các tấm ép D33, D34, D46, D61, D76, dày 25 mm	01		Tốt
62.	Bộ đo môđun đàn hồi E bằng cần Benkelman		Cần tỷ lệ 2:1, gồm cần chính và đồng hồ so 10mm x 0.01 mm	04		Tốt

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
63.	Bộ đo CBR hiện trường		Trung Quốc	01		Tốt
64.	Dụng cụ Vicat		Thiết bị chính vica, các kim vicat; tấm kính; khẩu vicat chuẩn 40x70x80 mm	01		Tốt
65.	Kính lúp			01		Tốt
66.	Bộ ống đong các loại		Ống đong thể tích 5ml, 10ml, 25ml 50ml, 100ml, 250ml. 500ml, 1000ml, 2000ml	20		Tốt
67.	Bộ khuôn các loại		Khuôn đúc mẫu lập phương kích thước 100mm, 150mm, 200mm; khuôn đúc mẫu trụ 150x300 mm, 150x150 mm, khuôn vữa 40x40x160 mm…	30		Tốt
68.	Tủ dưỡng hộ		Công suất 500W-1000W, điện áp 220V/50Hz	02		Tốt
69.	Pipet, buret các loại			15		Tốt
70.	Bình hút ẩm			3		Tốt
71.	Bếp cách thủy			04		Tốt
72.	Bộ côn thử độ sụt		Côn đo độ sụt hình nón cụt cao 300mm, đường kính đáy lớn 200mm, đáy nhỏ 100mm. Que đầm (thanh đầm) Tấm đế Thước thép	04		Tốt
73.	Bộ xác định độ tách nước, tách vữa BT		Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm;Bàn rung tần số 2900 ÷ 3000 vòng phút, biên độ 0,5 ± 0,01mm;Thanh	02		Tốt

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
			thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn			
74.	Máy nghiền			1		Tốt
75.	Máy cắt, khoan lõi			2		Tốt
76.	Bộ xác định độ cứng vạch			1		Tốt
77.	Bộ dụng cụ xác định thời gian đông kết của bê tông		Dụng cụ thử xuyên, khuôn, sàng, que chọc, nhiệt kế, pipet	1		Tốt
78.	Nhớt kế			02		Tốt
79.	Thước các loại			10		Tốt
80.	Nồi hấp			02		Tốt
81.	Bình tỷ trọng thể tích 500 và 1000ml			30		Tốt
82.	Cối sứ, chày			04		Tốt
83.	Hộp nhôm thí nghiệm độ ẩm các loại		Kích thước 35x55 mm	400		Tốt
84.	Bộ thí nghiệm cắt cánh hiện trường		Bộ cắt cánh (vane shear); Cần khoan/cần xuyên; Đồng hồ đo mô men xoắn; Thiết bị truyền lực; Giá đỡ; Thước đo chiều sâu.	01		Tốt
85.	Bộ thí nghiệm độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m		Thước thẳng 3m; Nêm đo khe hở (chêm); Thước lá hoặc thước đo khe	01		Tốt
86.	Cốc thủy tinh các loại		Trung Quốc	40		Tốt
87.	Cốc kim loại		Trung Quốc	25		Tốt
88.	Đũa thủy tinh		Truong Quốc	15		Tốt
89.	Bình chưng cất		Truong Quốc	02		Tốt
90.	Máy nén tam liên		Trung quốc. Mỗi máy 03 mẫu	15		Tốt

STT	Danh mục	Model	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú	Tình trạng hoạt động
91.	Máy nén 3 trục		Trung Quốc; Humboldt.5030-USA	02		Tốt

Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống sàng, khuôn đúc, tải trọng chuẩn, v.v... và hệ thống máy móc, trang thiết bị phụ trợ khác

- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt

- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng quy định.

2.2. Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Bằng cấp chuyên môn/ chứng chỉ	Ghi chú
1	Vũ Thị Thanh Thủy	Trưởng phòng thí nghiệm	Thạc sỹ	- Kỹ năng xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống Quản lý PTN theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 :2017 - Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa – vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm, hiện trường	
2	Vũ Văn Lợi	Phó phòng thí nghiệm	Tiến sỹ	- Quản lý phòng TN chuyên ngành xây dựng - Kỹ năng xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống Quản lý PTN theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 :2017 - Phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và vật liệu xây dựng	
3	Phạm Văn Quân	Thí nghiệm viên	Thạc sỹ	TN hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc	
4	Đặng Văn Phương	Thí nghiệm viên	Đại học	- Phương pháp xác định tính chất cơ lý của vật liệu kim loại và liên kết hàn - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng - Phương pháp xác định tính chất hóa học	

				của vật liệu xây dựng - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa – vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm, hiện trường	
5	Nguyễn Thị Nga	Thí nghiệm viên	Đại học	- Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng CT giao thông - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và VLXD	
6	Vũ Văn Thắng	Thí nghiệm viên	Đại học	- Thí nghiệm viên Thép – Kim loại, mối hàn - Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng CT giao thông - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông – vật liệu bê tông trong phòng thí nghiệm, hiện trường	
7	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thí nghiệm viên	Đại học	- Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng - Thử nghiệm cơ lý xi măng, bê tông và cốt liệu cho bê tông	
8	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thí nghiệm viên	Cử nhận	- Thí nghiệm viên chuyên ngành vật liệu xây dựng - Thí nghiệm cơ lý đất đá trong phòng thí nghiệm và hiện trường	
9	Quách Minh Ngọc	Thí nghiệm viên	12/12	Thí nghiệm viên chuyên ngành phân tích hóa cho vật liệu xây dựng	
10	Nguyễn Văn Cảnh	Thí nghiệm viên	12/12	Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường	
11	Nguyễn Thị Nga	Thí nghiệm viên	12/12	Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường	
12	Bùi Thị Thuỳ Dương	Thí nghiệm viên	Cử nhân hoá	Nhận thức chung ISO/IEC 17025:2012 Kiểm định vật liệu silicat	

Công ty Cổ phần E.C.C chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)

SĐKKD: 0200994886 - CTCP - CÔNG TY CỔ PHẦN E.C.C - Đ.NGÔ QUYỀN - TP.HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC
TS. Vũ Văn Lợi

Ts. Vũ Văn Lợi

PHỤ LỤC I : DANH SÁCH CÁC TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG TRỰC THUỘC CÔNG TY C PHẦN E.C.C ĐANG HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TRƯỜNG

Stt	Dự án	Quyết Định thành lập số	Địa điểm	Ghi chú
1	Dự án: ĐTXD tuyến đường từ đường tỉnh 354 huyện Tiên Lãng đến quốc lộ 10 huyện Vĩnh Bảo. Gói thầu: Xây dựng đường nối từ ĐT 354 đến cầu Tiên Thanh.	Số 09/02/2025/QĐ-ECC, ngày 05/05/2025	Tiên Lãng, Hải Phòng	
2	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn tránh thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo Gói thầu số 26 Xây dựng đoạn tuyến từ Km3+900 đến Km8+580	Số 22-26/QĐ-ECC, ngày 10/6/2026	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	

CÔNG TY CỔ PHẦN E.C.C

(Ký tên, đóng dấu)

Ts. Vũ Văn Lợi